

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC BẢNG MÃ, DANH MỤC THAM CHIẾU VÀ MÃ QUẢN TRỊ NỘI BỘ (PHIÊN BẢN 1.0)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. Danh mục tham chiếu ưu tiên

STT	Danh mục/bảng mã	Cơ quan/nguồn có thẩm quyền	Phạm vi sử dụng	Quy tắc áp dụng	Trạng thái v1.0/đầu mỗi cập nhật
1	Đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã	QĐ 19/2025/QĐ-TTg; CDE-DC-001, CDE-DC-003; cập nhật của cơ quan quản lý mã	Địa chỉ, địa bàn, báo cáo, hồ sơ, thống kê	Tham chiếu mã và hiệu lực; bảo toàn mã lịch sử; CDE-DC-002 cấp huyện chỉ dùng lịch sử/tương thích.	Đã đối soát mã CDE; Sở KH&CN theo dõi nguồn, cơ quan chủ quản cập nhật hệ thống.
2	Quốc gia	CDE-DC-004; danh mục/tiêu chuẩn trao đổi được cơ quan có thẩm quyền chỉ định	Địa chỉ, quốc gia phát hành, quan hệ quốc tế	Dùng alpha-3 theo workbook; ghi phiên bản; không dùng cùng bảng cho quốc tịch.	Đã đối soát mã/tên CDE; không dùng định nghĩa bị sao chép nhầm trong workbook.
3	Quốc tịch	CDE-CN-003 và cơ quan quản lý nghiệp vụ	Thông tin cá nhân	Dùng alpha-2 theo workbook; cho phép đa trị khi nghiệp vụ quy định; phân biệt quốc gia.	Đã đối soát mã CDE; chủ quản nghiệp vụ xác nhận miền giá trị.
4	Giới tính	CDE-CN-002 và pháp luật chuyên ngành	Thông tin cá nhân và thống kê	Không tự xây dựng mã; có giá trị chưa xác định/không áp dụng nếu nguồn cho phép.	Đã đối soát mã CDE; chủ quản nghiệp vụ xác nhận miền giá trị.
5	Dân tộc	CDE-CN-004; danh mục/nguồn quốc gia có thẩm quyền	Dân cư, an sinh, thống kê, chuyên ngành	Lưu mã, tên và phiên bản; không tạo mã địa phương.	Đã đối soát mã CDE; chủ quản nghiệp vụ xác nhận danh mục.

STT	Danh mục/bảng mã	Cơ quan/nguồn có thẩm quyền	Phạm vi sử dụng	Quy tắc áp dụng	Trạng thái v1.0/đầu mỗi cập nhật
6	Tôn giáo	CDE-CN-005; danh mục/nguồn có thẩm quyền và pháp luật chuyên ngành	Thông tin cá nhân theo mục đích hợp pháp	Kiểm soát căn cứ thu thập, chia sẻ và truy cập.	Đã đối soát mã CDE; chủ quản nghiệp vụ xác nhận danh mục.
7	Nghề nghiệp/nghề, vị trí việc làm	CDE-CN-007; danh mục nghề nghiệp/chuyên ngành có thẩm quyền	Lao động, nhân sự, đào tạo, thống kê	Không đồng nhất nghề nghiệp, chức danh và vị trí việc làm.	Đã đối soát mã CDE; chủ quản nghiệp vụ xác nhận danh mục.
8	Ngành kinh tế	Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và cập nhật chính thức	Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, thống kê	Ghi cấp mã, phiên bản, hoạt động chính/phụ.	Áp dụng khi nguồn được xác định.
9	Loại hình tổ chức	Cơ sở dữ liệu đăng ký và pháp luật chuyên ngành	Tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước	Không dùng một bảng duy nhất nếu các loại hình thuộc chế độ pháp lý khác nhau; lập ánh xạ có kiểm soát.	Chờ chủ quản nghiệp vụ xác nhận.
10	Loại giấy tờ định danh/xuất nhập cảnh	CDE-GT-001, CDE-GT-002; cơ quan quản lý giấy tờ và lược đồ có thẩm quyền	Thông tin giấy tờ của cá nhân	Mỗi mã gắn quy tắc số, ngày cấp, hết hạn và cơ quan cấp; không dùng bảng 01–05 tự tạo.	Đã đối soát mã CDE; chủ quản nghiệp vụ xác nhận miền giá trị.
11	Thủ tục hành chính	Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính	Hồ sơ, dịch vụ công, một cửa	Tham chiếu mã thủ tục, phiên bản, cấp thực hiện và thời gian hiệu lực.	Áp dụng; Văn phòng UBND tỉnh và cơ quan giải quyết cập nhật.
12	Trạng thái xử lý hồ sơ	Lược đồ trao đổi chính thức của hệ thống giải quyết TTHC/Công DVCQG	Theo dõi, đồng bộ hồ sơ	Lập bảng ánh xạ trạng thái nội bộ sang trạng thái trao đổi; không trao đổi mô tả tự do.	Văn phòng UBND tỉnh xác nhận.

STT	Danh mục/bảng mã	Cơ quan/nguồn có thẩm quyền	Phạm vi sử dụng	Quy tắc áp dụng	Trạng thái v1.0/đầu mỗi cập nhật
13	Kết quả giải quyết TTHC/loại giấy tờ kết quả	Cơ sở dữ liệu TTHC, quy định chuyên ngành	Kết quả điện tử, kho giấy tờ	Gắn mã, tên, phiên bản, thời hạn và cơ quan cấp.	Cơ quan giải quyết và Văn phòng UBND tỉnh xác nhận.
14	Cơ quan, đơn vị tỉnh Tuyên Quang	Quyết định tổ chức, mã cơ quan và danh mục dùng chung được cấp có thẩm quyền quản lý	Tài khoản, văn bản, báo cáo, tích hợp	Phân biệt mã cơ quan, mã đơn vị quan hệ ngân sách, mã số thuế và mã thống kê.	Sở KH&CN quản lý tham chiếu kỹ thuật; cơ quan có thẩm quyền xác nhận nghiệp vụ.
15	Danh mục chuyên ngành	Bộ, ngành hoặc cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền	Y tế, giáo dục, đất đai, môi trường, giao thông, văn hóa và lĩnh vực khác	Giữ nguyên mã gốc; ghi phiên bản/hiệu lực; chỉ tạo bảng ánh xạ khi cần tích hợp.	Cơ quan chủ quản chuyên ngành chịu trách nhiệm.
16	Phân loại dữ liệu và phạm vi chia sẻ	Luật Dữ liệu, nghị định hướng dẫn và quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Quản trị, bảo vệ, phân quyền, chia sẻ	Tách phân loại dữ liệu, chỉ báo dữ liệu cá nhân, mức bảo vệ và quyền truy cập; không dùng một cơ chung.	Công an tỉnh phối hợp Sở KH&CN hướng dẫn theo chức năng.
17	Định dạng ngày, tháng-năm, năm và timestamp	CDE-TG-001 đến CDE-TG-004; ISO 8601 và quy tắc trao đổi của tỉnh	Ngày nghiệp vụ, kỳ báo cáo, nhật ký, tích hợp	CDE nhóm TG chuẩn hóa định dạng, không thay thế ngữ nghĩa; timestamp trao đổi phải quy định múi giờ.	Đã đối soát mã CDE; Sở KH&CN quản lý quy tắc kỹ thuật.
18	Mã chỉ tiêu thống kê quốc gia	CDE-BC-001; hệ thống chỉ tiêu/danh mục do cơ quan có thẩm quyền công bố	Báo cáo, thống kê	Chỉ ánh xạ khi đúng chỉ tiêu quốc gia; chỉ tiêu địa phương/chuyên ngành phải có định nghĩa, công thức, đơn vị và nguồn.	Đã đối soát mã CDE; cơ quan chủ quản chỉ tiêu xác nhận.

B. Mã quản trị nội bộ cấp tỉnh

Lưu ý: Các mã dưới đây chỉ dùng trong quy trình quản trị Từ điển dữ liệu tỉnh, không thay thế mã nghiệp vụ, bảng mã quốc gia hoặc mã CDE.

I. Mã trạng thái quản trị

Mã trạng thái	Tên trạng thái	Ý nghĩa
DRAFT	Dự thảo	Đang lập/chỉnh sửa; chưa được sử dụng như chuẩn bắt buộc.
REVIEWED	Đã thẩm tra	Đã được thẩm tra nghiệp vụ, kỹ thuật, pháp lý/an ninh theo phạm vi nhưng chưa công bố.
PUBLISHED	Đã công bố	Được phê duyệt, có ngày hiệu lực; được dùng làm chuẩn áp dụng.
DEPRECATE D	Không khuyến nghị áp dụng mới	Duy trì cho tương thích; có phần tử thay thế và thời hạn chuyển đổi.
RETIRED	Ngừng áp dụng	Không sử dụng cho dữ liệu mới; giữ để truy vết lịch sử.

II. Ký hiệu phương án/loại dữ liệu

Mã phân loại	Tên	Ý nghĩa
A-NEW	Đề xuất phần tử mới	Chưa có phần tử phù hợp; phải lập đầy đủ siêu dữ liệu và hồ sơ thẩm tra.
B-MAP	Ánh xạ phần tử đã có	Ghi đúng mã đã xác nhận, nguồn/bảng chứng và kiểu ánh xạ.
REF	Tham chiếu bảng mã	Giá trị được quản lý bởi danh mục có thẩm quyền; ghi tên, phiên bản và chủ quản.
LEGACY	Dữ liệu lịch sử	Chỉ dùng đọc, tra cứu hoặc tương thích; không khuyến khích phát sinh mới.
TECH	Trường kỹ thuật	Phục vụ hệ thống/tích hợp; không mặc nhiên là khái niệm nghiệp vụ/CDE.

III. Mức yêu cầu

Mã yêu cầu	Tên	Ý nghĩa
BB	Bắt buộc	Phải có trước khi phần tử được công bố.
ĐK	Có điều kiện	Bắt buộc khi điều kiện/ngữ cảnh tương ứng phát sinh.
KN	Khuyến nghị	Nên có để nâng cao khả năng tái sử dụng và quản trị.
TĐ	Tự động/nguồn kỹ thuật	Hệ thống hoặc công cụ trích xuất, cập nhật; cơ quan chủ quản xác nhận.